TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131 /2025/ DS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2025
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**
2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Ông **TRẦN VĂN QUỐC**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:
2.1. Ông **Đỗ Chí T1**, sinh năm 1980
2.2. Bà **Đỗ Thị Kim T2**, sinh năm 1982
Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt ông T, bà T2; vắng mặt ông T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đỗ Chí T1 trình bày: Ngày 14/4/2023 ông T1, bà T2 mượn ông 34.000.000đồng, hàng tháng trả 7.000.000đồng đến khi xong. Nhưng đến nay ông bà không trả tiền. Ông yêu cầu ông T1, bà T2 trả 34.000.000 đồng.

Tại phiên toà ông T trình bày: Trong quá trình chờ Toà án xét xử vợ chồng bà T2 đã trả ông được 3.000.000đồng. Nay xét hoàn cảnh ông bà khó khăn, ông chỉ yêu cầu ông T1, bà T2 trả 20.000.000 đồng thôi, thời hạn đến hết ngày 30/6/2025.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Kim T2 trình bày: Bà là vợ ông Đỗ Chí T1, sinh năm 1980 cùng địa chỉ ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Biên nhận ngày 14/4/2023 do ông T viết, vợ chồng bà ký tên. Thực ra đây là số tiền ông T1 nợ ông T nhưng bà vẫn đồng ý cùng chồng trả nợ nên mới ký tên vào biên nhận. Vợ chồng bà đồng ý trả ông T 34.000.000đồng nhưng xin trả dần vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn phải đi làm thuê.

Tại phiên toà, bà T2 đồng ý cùng chồng trả ông T 20.000.000 đồng, thời hạn đến hết ngày 30/6/2025 như yêu cầu của ông T.

- Bị đơn ông Đỗ Chí T1 vắng mặt, không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng qui định pháp luật. Riêng ông T1 vắng mặt không lý do là chưa tuân thủ qui định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Sự vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Đỗ Chí T1 dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 xét xử vắng mặt ông.

[1.4]. Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà, ông T chỉ yêu cầu ông T1, bà T2 trả 20.000.000 đồng, thời hạn đến hết ngày 30/6/2025. Xét thấy, việc thay đổi của ông phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền vay: Xét thấy, bị đơn bà Đỗ Thị Kim T2 thừa nhận vợ chồng bà có nợ ông T 34.000.000 đồng và biên nhận ngày 14/4/2023 do vợ chồng bà ký tên nhận nợ. Lời thừa nhận của bà T2 là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông T1 dù được triệu tập hoà giải, xét xử nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện

của ông T. Đây là ông tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì ông tự gánh chịu. Như vậy có cơ sở xác định ông T1, bà T2 và ông T có phát sinh giao dịch dân sự với nhau, ông T1 và bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Tại phiên toà, ông T chỉ yêu cầu bà T2, ông T1 trả 20.000.000 đồng là thể hiện sự chia sẽ khó khăn của ông bà, đối với bà T2 cũng đồng ý yêu cầu của ông T. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông T1, bà T2 phải trả cho ông T 20.000.000 đồng là phù hợp qui định pháp luật.

[3] Về án phí: Ông T1, bà T2 phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

[4] Xét, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T.

Buộc ông Đỗ Chí T1 và bà Đỗ Thị Kim T2 liên đới trả cho ông Trương Văn T 20.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1.Ông ông Đỗ Chí T1 và bà Đỗ Thị Kim T2 phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại ông Trương Văn T 850.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015868 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T1, bà T2 chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Ông T, bà T2 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông T1 thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2025
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông
Ông

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số 464/ 2024 /TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Đức Tây, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:
2.1. Ông **Đỗ Chí T1**, sinh năm 1980
2.2. Bà **Đỗ Thị Kim T2**, sinh năm 1982
Cùng địa chỉ: ấp Mỹ Nghĩa 1, xã Mỹ Đức Tây, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 như sau:
Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T.
Buộc ông Đỗ Chí T1 và bà Đỗ Thị Kim T2 liên đới trả cho ông Trương Văn T 34.000.000 đồng.
2. Về án phí:

2.1.Ông ông Đỗ Chí T1 và bà Đỗ Thị Kim T2 phải chịu 850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại ông Trương Văn T 850.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015868 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T1, bà T2 chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Ông T, bà T2 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông T1 thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2025

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**